

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày: 18-8-2023

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Minh Thi;

Ông Luân Văn Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Sơn Lâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Quyền, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2023/TLST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 20/7/2023, Thông báo chuyển ngày xét xử số 01/2023/TB-TA ngày 08/8/2023 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 01/2023/QĐ-TA ngày 16/8/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: Số X, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông Nguyễn Hồng Đ; Giám đốc chi nhánh Ngân hàng N – Chi nhánh huyện V, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số Y, đường Z, khu B, thị trấn N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của người đại diện theo pháp luật Ngân hàng N. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Phương Xuân B; cư trú tại: Số K, đường B, thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**

+ Bà Ngô Thị E (Y) - có mặt; anh Phương Văn T - có mặt; chị Triệu Thị N - vắng mặt; cùng cư trú tại: Số K, đường B, thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

+ Bà Phương Thị T; cư trú tại: Số Q, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Hoàng Thị H; cư trú tại: Thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

+ Bà Lý Thị T; cư trú tại: Số E, đường P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Mạnh T – Cán bộ tín dụng Ngân hàng N, Chi nhánh huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn - ông Nguyễn Hồng Đ trình bày:

Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho ông Phương Xuân B vay số tiền 600.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 8407-LAV-202000XXX ngày 11/8/2020; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất vay vốn 10,5%/năm, lãi vay có điều chỉnh và điều chỉnh theo thông báo thay đổi về lãi suất cho vay của Ngân hàng tại từng thời điểm; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mục đích vay bán buôn, bán lẻ quần áo nam nữ các loại.

Theo yêu cầu của ông Phương Xuân B, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay vào tài khoản của bà Lý Thị T. Ông Phương Xuân B là người cung cấp số tài khoản, tên người hưởng thụ và ký vào phụ lục hợp đồng nhận tiền vay. Việc Ngân hàng thực hiện giải ngân đến tài khoản nào, theo hình thức nào là theo ý kiến, đề nghị của người vay.

Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của khoản vay trên là tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số X, tờ bản đồ số Y tại địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 91m², đã được Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03XXXQSDĐ/218/2004/QĐ-UB(H) ngày 15/4/2004 cho hộ ông Phương Xuân B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8407-LCL-202000XXX ngày 10/08/2020.

Ngân hàng xác định tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng của một mình ông Phương Xuân B vì trước khi ký hợp đồng tín dụng, ông Phương Xuân B trình bày tài sản này là của một mình ông. Ngân hàng đã tiến hành xác minh, thu thập hồ sơ gồm: Sổ hộ khẩu số 370000XXX ngày 31/7/2008

của Công an thành phố L; Đơn xin xác nhận ngày 05/8/2020 của ông Phương Xuân B gửi Công an thành phố L; Đơn xin xác nhận các thành viên trong hộ gia đình ngày 08/01/2020 của ông Phương Xuân B gửi Công an xã H, qua đó xác định hộ gia đình ông Phương Xuân B tại thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn chỉ có một thành viên là ông Phương Xuân B. Tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 81/UBND-XNTTHN ngày 11/6/2020 của UBND xã H, thành phố L thể hiện tình trạng hôn nhân của ông Phương Xuân B là chưa đăng ký kết hôn với ai. Khi Ngân hàng đến thẩm định tài sản thế chấp chỉ có một mình ông Phương Xuân B ở tại nhà đất này. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo quy định.

Quá trình vay tiền, ông Phương Xuân B đã thực hiện trả 02 lần tiền lãi. Lần thứ nhất vào ngày 10/11/2020 trả số tiền lãi tính từ ngày 11/8/2020 đến ngày 11/11/2020 là 16.052.055 đồng, người nộp tiền là Hoàng Thị H. Lần thứ hai vào ngày 23/4/2021 trả số tiền lãi từ ngày 12/11/2020 đến ngày 10/4/2021 là 25.890.411 đồng, người nộp tiền là Phương Thị T.

Lãi suất áp dụng từ ngày 11/4/2021 đến ngày 14/7/2021 theo Hợp đồng tín dụng số 8407-LAV-202000XXX ngày 11/8/2020 là 10,5%/năm. Từ ngày 15/7/2021 đến ngày 11/8/2021 do diễn biến dịch bệnh Covid – 19 nên Ngân hàng giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng, áp dụng mức lãi suất 9,45%/năm, Ngân hàng đã thông báo cho ông Phương Xuân B. Từ ngày 12/8/2021 đến ngày 18/8/2023 áp dụng mức lãi suất quá hạn là 14,18%/năm.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phương Xuân B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 18/8/2023 là 792.538.521 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 600.000.000 đồng.

- Lãi trong hạn:

+ Số tiền gốc 600.000.000 đồng x 10,5%/365 ngày x 95 ngày (từ ngày 11/4/2021 đến ngày 14/7/2021) = 16.397.260 đồng.

+ Số tiền gốc 600.000.000 đồng x 9,45%/365 ngày x 28 ngày (từ ngày 15/7/2021 đến ngày 11/8/2021) = 4.349.589 đồng.

Tổng lãi trong hạn là 20.746.849 đồng.

- Lãi quá hạn: Số tiền gốc 600.000.000 đồng x 14,18%/365 ngày x 737 ngày (từ ngày 12/8/2021 đến ngày 18/8/2023) = 171.791.671 đồng.

Ông Phương Xuân B còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng tính theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng tín dụng số 8407-LAV-202000XXX ngày 11/8/2020 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 11/8/2020 kể từ ngày 19/8/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Phương Xuân B không thực hiện hoặc thực hiện thanh

toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8407-LCL-202000XXX ngày 10/8/2020 gồm quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 184, tờ bản đồ số 105 tại thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản gắn liền với đất.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.800.000 đồng, không yêu cầu ông Phương Xuân B trả lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phương Xuân B trình bày:

Thông qua bà Hoàng Thị H, ông Phương Xuân B quen biết bà Lý Thị T. Ông Phương Xuân B nhờ bà Lý Thị T làm các thủ tục để vay số tiền 600.000.000 đồng tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện V và hứa sẽ trả phí dịch vụ cho bà Lý Thị T 15.000.000 đồng. Ông được ký vào các Hợp đồng tín dụng số 8407-LAV-202000XXX ngày 11/8/2020, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8407-LCL-202000XXX ngày 10/8/2020, Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 11/8/2020. Tuy nhiên, ông không nhận được số tiền vay. Số tiền vay đã được chuyển khoản vào tài khoản của bà Lý Thị T, sau đó thì bà Lý Thị T không chuyển tiền lại cho ông, ông không được dùng số tiền này. Do đó, người phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là bà Lý Thị T chứ không phải là ông.

Tại các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Phương Xuân B trình bày: Ngày 11/8/2020 tại quầy giải ngân của Ngân hàng có mặt ông, bà Lý Thị T, bà Hoàng Thị H nhưng ông không được yêu cầu Ngân hàng giải ngân vào tài khoản của bà Lý Thị T, ông không được cung cấp số tài khoản của bà Lý Thị T cho Ngân hàng. Khi đó, Ngân hàng đưa giấy ông chỉ ký. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Phương Xuân B thừa nhận ngày 11/8/2020, trước khi thực hiện giải ngân, ông và bà Lý Thị T thống nhất yêu cầu Ngân hàng giải ngân vào số tài khoản của bà Lý Thị T. Lý do ông đã thực hiện trả nợ lãi cho Ngân hàng 02 lần vì sợ lãi suất sẽ phát sinh cao.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 184, tờ bản đồ số 105; tọa lạc tại thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích đất 91m²; đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03XXXQSDĐ/218/2004/QĐ-UB(H) ngày 15/4/2004 cho hộ ông Phương Xuân B. Đây là tài sản chung của ông Phương Xuân B và bà Ngô Thị E. Việc vay nợ và thế chấp nhà đất này bà Ngô Thị E không biết.

Ông và bà Ngô Thị E làm lễ cưới năm 1992, chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà có 02 người con chung là Phương Văn T và Phương Thị T. Chị Phương Thị T đã đi lấy chồng từ năm 2019 và chuyển hộ khẩu về sinh sống tại số 33, đường Thân Công Tài, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Anh Phương Văn T lấy vợ là chị Triệu Thị N, hiện nay anh chị đang ở cùng ông Phương Xuân B và bà Ngô Thị E tại nhà và

đất thế chấp. Từ năm 2008 đến nay ông Phương Xuân B đăng ký hộ khẩu ở thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, trong hộ khẩu chỉ có một mình ông Phương Xuân B.

Ông Phương Xuân B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông phải trả khoản nợ và xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết vì ông cho rằng thực tế ông không được nhận và không được sử dụng số tiền vay. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, ông Phương Xuân B nhất trí với ý kiến của Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị E trình bày: Việc kết hôn, chung sống đúng như ông Phương Xuân B đã trình bày. Từ trước đến nay, bà vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Hoà Bình, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nhà đất thế chấp là tài sản chung của bà và ông Phương Xuân B, các con không có đóng góp gì. Việc ông Phương Xuân B thế chấp nhà đất trên để vay Ngân hàng bà không được biết, không có sự đồng ý của bà. Đến khoảng tháng 7/2022 bà mới biết việc này. Bà không thấy ông Phương Xuân B chi trả khoản tiền gì để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình liên quan đến số tiền này. Bà không được ký vào giấy tờ gì của Ngân hàng. Khi Ngân hàng đến xem xét thẩm định nhà đất thế chấp không có mặt bà. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Phương Xuân B trả số tiền vay bà không có ý kiến gì. Bà không đồng ý xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 184, tờ bản đồ số 105; địa chỉ tại thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích mặt tiền nhà đất này hiện nay khoảng 4,5m, không thể chia đôi theo hiện vật nên trường hợp ông Phương Xuân B không trả được nợ bà không đồng ý xử lý tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phương Văn T, chị Phương Thị T trình bày: Anh chị không biết về việc vay số tiền 600.000.000 đồng của ông Phương Xuân B với Ngân hàng, không được sử dụng số tiền này. Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Số K, đường B, thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn anh chị không có đóng góp gì. Anh Phương Văn T, chị Phương Thị T không có yêu cầu gì đối với việc giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Lý Thị T trình bày: Bà biết ông Phương Xuân B qua bà Hoàng Thị H. Giữa bà và bà Hoàng Thị H, ông Phương Xuân B có thỏa thuận ông Phương Xuân B và bà Hoàng Thị H cùng mua lại kiot bán quần áo của bà với giá khoảng 60.000.000 – 80.000.000 đồng, sau khi vay được tiền ngân hàng hai người này sẽ trả đủ tiền mua kiot cho bà. Bà Hoàng Thị H và ông Phương Xuân B là người chủ động đề nghị bà làm thủ tục vay tiền Ngân hàng để ông Phương Xuân B đứng tên người vay trong hợp đồng, thế chấp khoản vay bằng tài sản là nhà và đất tại địa chỉ mà ông Phương Xuân B đang ở. Giữa bà và ông Phương Xuân B không có thỏa thuận về khoản chi phí 15.000.000 đồng. Ngày thực hiện giải ngân bà có được cùng bà Hoàng Thị H, ông Phương Xuân B đến Ngân hàng N huyện V. Khi ký giấy giải ngân chỉ có

mặt bà và ông Phương Xuân B, còn bà Hoàng Thị H đợi ở ngoài. Ông Phương Xuân B là người yêu cầu Ngân hàng giải ngân vào tài khoản ngân hàng của bà. Sau khi thỏa thuận trừ đi các khoản chi phí mua bán kiot, chi phí làm thủ tục ngân hàng, chi phí bảo hiểm khoản vay, số tiền còn thừa bà Lý Thị T đã chuyển vào tài khoản của bà Hoàng Thị H theo yêu cầu của ông Phương Xuân B và bà Hoàng Thị H. Việc mua bán kiot giữa bà và ông Phương Xuân B, bà Hoàng Thị H đã thực hiện xong, ông Phương Xuân B phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký.

Người làm chứng anh Nguyễn Mạnh T trình bày: Anh là cán bộ tín dụng của Ngân hàng N, Chi nhánh huyện V, tỉnh Lạng Sơn và là người làm thủ tục cho ông Phương Xuân B vay tiền với Ngân hàng. Ngày 11/8/2020 là ngày ký hợp đồng tín dụng và giải ngân vào tài khoản của bà Lý Thị T theo yêu cầu của ông Phương Xuân B, khi đó chỉ có mặt ông Phương Xuân B và bà Lý Thị T. Anh không biết bà Hoàng Thị H là ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ chi Triệu Thị N, bà Hoàng Thị H tham gia tố tụng. Tuy nhiên những người này đều vắng mặt không có lý do, không hợp tác trong việc giải quyết vụ án.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/5/2023, thửa đất số 184, tờ bản đồ số 105, bản đồ địa chính xã H, tại địa chỉ Số K, đường B, thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn có diện tích đất 91m²; mục đích sử dụng đất ở; có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông Bắc giáp đường B, có cạnh 4,58m; phía Tây Nam giáp thửa 424, có kích thước 4,44m; phía Tây Bắc giáp thửa 399, có kích thước 20,45m; phía Đông Nam giáp thửa 396, có kích thước 20,04m. Tài sản trên đất gồm 01 nhà loại II, 01 cây sưa.

Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải, tuy nhiên bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 299, 318, 320, 322, khoản 7 Điều 323, khoản 1 Điều 351, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 18, 20, 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN; Điều 8, 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP; Căn cứ Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Phương Xuân B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 8407-LAV-202000XXX ngày 11/8/2020 cho Ngân hàng gồm nợ gốc 600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp ông Phương Xuân B không thanh toán được số tiền nợ của hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8407-LAV-202000XXX ngày 10/8/2020 đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Phương Xuân B để thu hồi nợ. Ông Phương Xuân B phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định. Trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ghi nhận việc tự nguyện chịu chi phí tố tụng của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng N và bị đơn ông Phương Xuân B (có đăng ký hộ kinh doanh) giao kết Hợp đồng tín dụng số 8407-LAV-202000XXX ngày 11/08/2020 với khoản vay 600.000.000 đồng; mục đích vay vốn bán lẻ, bán buôn quần áo nam nữ các loại; trường hợp có tranh chấp giải quyết tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền tại nơi đóng trụ sở của Ngân hàng là Chi nhánh huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng nêu trên. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị N, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Những người làm chứng bà Lý Thị T, ông Nguyễn Mạnh T vắng mặt, đã có đề nghị xét xử vắng mặt và có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Đối với người làm chứng bà Hoàng Thị H, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Hoàng Thị H theo địa chỉ các đương sự cung cấp. Tuy nhiên các văn bản tố tụng được đơn vị chuyển phát trả lại cho Tòa án do sai địa chỉ người nhận. Xét thấy, việc vắng mặt của bà Hoàng Thị H không ảnh hưởng tới việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án bởi theo lời khai của những người tham gia tố tụng, bà Hoàng Thị H không biết, không chứng kiến việc các bên ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp mà chỉ biết đến việc sử dụng tiền vay sau khi giải ngân. Việc người vay thỏa thuận với các đối tượng khác về việc sử dụng khoản tiền vay nằm ngoài phạm vi giải quyết của vụ án này nên Tòa án không xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu

trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hợp đồng tín dụng: Ngày 11/8/2020, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện V cho ông Phương Xuân B vay số tiền 600.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 8407-LAV-202000XXX ngày 11/8/2020 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 11/8/2020; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất vay vốn 10,5%/năm, lãi vay có điều chỉnh và điều chỉnh theo thông báo thay đổi về lãi suất cho vay của Ngân hàng tại từng thời điểm; lãi suất quá hạn là 15,75%/năm. Mục đích vay bán buôn, bán lẻ quần áo nam nữ các loại.... Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng này được giao kết bởi các chủ thể đủ năng lực trách nhiệm dân sự tự nguyện giao kết, có nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 398, 403, 405, 463 của Bộ luật Dân sự. Theo thỏa thuận tại Điều 10 Hợp đồng tín dụng số 8407-LAV-202000XXX ngày 11/8/2020 thì hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 400, 401 của Bộ luật Dân sự. Do đó, hợp đồng đã có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đã cam kết theo quy định tại Điều 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự. Ông Phương Xuân B phải có nghĩa vụ trả khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Ngày 11/8/2020, Ngân hàng thực hiện giải ngân số tiền 600.000.000 đồng theo Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 11/8/2020 (kèm theo Hợp đồng tín dụng số 8407-LAV-202000XXX ngày 11/8/2020). Theo yêu cầu của ông Phương Xuân B, Ngân hàng thực hiện giải ngân số tiền 600.000.000 đồng bằng phương thức chuyển khoản cho bà Lý Thị T vào số tài khoản 19036072999016 tại Ngân hàng T Lạng Sơn. Có thể thấy rằng, việc bà Lý Thị T và ông Phương Xuân B cùng nhau đi từ thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đến thị trấn Na Sầm, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để ký kết hợp đồng tín dụng và nhận số tiền giải ngân 600.000.000 đồng vào tài khoản của bà Lý Thị T là có sự thống nhất, thỏa thuận trước giữa hai người. Ông Phương Xuân B là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, buộc ông phải nhận thức được ý nghĩa của việc đứng tên người vay, ký tên vào hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng về việc giải ngân khoản vay sẽ làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ của người vay đối với Ngân hàng. Còn việc sau đó người vay sử dụng khoản vay như thế nào không nằm trong phạm vi giải quyết của vụ án này. Trường hợp các đương sự có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác. Ý kiến của ông Phương Xuân B cho rằng do số tiền vay 600.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của bà Lý Thị T, ông không được sử dụng nên không có nghĩa vụ trả khoản nợ này cho Ngân hàng là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Ngoài ra, sau khi ký kết hợp đồng, ông Phương Xuân B đã 02 lần thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng: Ngày 10/11/2020 trả số tiền 16.052.055 đồng; ngày 23/4/2021 trả số tiền 25.890.411 đồng. Như vậy cho thấy, ông Phương Xuân B nhận thức rõ việc vay nợ, nhận nợ và trách nhiệm trả nợ của mình đối với Ngân hàng, nếu ông Phương Xuân B không nhận nợ thì sẽ không

thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Việc ông Phương Xuân B cho rằng ông trả nợ do sợ lãi suất sẽ phát sinh cao có nghĩa rằng ông Phương Xuân B nhận thức được mình có trách nhiệm trả khoản nợ theo hợp đồng đã ký kết. Mặt khác, sau khi ký kết hợp đồng và giải ngân ngày 11/8/2020, ông Phương Xuân B không hề có ý kiến về việc không nhận được số tiền 600.000.000 đồng. Chỉ đến ngày 13/7/2022 khi Ngân hàng có ý kiến về việc chuyển nợ quá hạn (gần 02 năm sau khi ký kết hợp đồng) thì ông Phương Xuân B mới đưa ra lý do không nhận được số tiền nợ nên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Điều này cho thấy việc cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của ông Phương Xuân B.

[6] Về lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng là 10,5%/năm. Do diễn biến dịch bệnh Covid – 19 nên từ ngày 15/7/2021 đến ngày 11/8/2021 Ngân hàng giảm lãi suất cho vay còn 9,45%/năm; lãi suất quá hạn 14,18%/năm. Mức lãi suất này phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[7] Từ những phân tích trên xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông Phương Xuân B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi đến hết ngày 18/8/2023 là 792.538.521, trong đó nợ gốc là 600.000.000 đồng, tiền lãi vay tính đến hết ngày 18/8/2023 là 192.538.521 là có căn cứ chấp nhận. Ông Phương Xuân B còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng tính theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng tín dụng số 8407-LAV-202000XXX ngày 11/8/2020 và phụ lục hợp đồng kể từ ngày 19/8/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

[8] Về Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8407-LCL-202000XXX ngày 10/08/2020: Hợp đồng này được giao kết bởi các chủ thể đủ năng lực trách nhiệm dân sự tự nguyện giao kết, có nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Tại mục 8.1 Điều 8 của hợp đồng quy định hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm. Ngày 11/8/2020 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố L, tỉnh Lạng Sơn chứng nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất của ông Phương Xuân B với Ngân hàng. Thực tế không xảy ra các trường hợp hết hiệu lực theo quy định tại mục 8.2 Điều 8 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8407-LCL-202000XXX. Như vậy, kể từ ngày đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thế chấp này có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đã cam kết theo quy định tại Điều 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự.

[9] Quá trình giải quyết vụ án xét thấy, ông Phương Xuân B có dấu hiệu lừa dối, cố tình che giấu về việc tài sản thế chấp có liên quan đến người thứ ba. Tuy nhiên trong vụ việc này Ngân hàng không yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Trước khi ký kết hợp đồng thế chấp, Ngân hàng đã tiến hành thu thập, xác minh thành viên trong hộ gia đình của ông Phương Xuân B với Công an thành phố L; thu thập giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Kết quả xác định hộ

gia đình ông Phương Xuân B tại thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn chỉ có một thành viên là ông Phương Xuân B, tình trạng hôn nhân của ông Phương Xuân B là chưa đăng ký kết hôn với ai. Khi Ngân hàng đến thẩm định tài sản thế chấp chỉ có một mình ông Phương Xuân B ở tại nhà đất này. Do vậy, Ngân hàng xác định tài sản thế chấp này thuộc quyền quản lý, sử dụng của một mình ông Phương Xuân B. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự. Do vậy, Ngân hàng không có lỗi trong việc giao kết hợp đồng thế chấp.

[10] Đối với việc ông Phương Xuân B và bà Ngô Thị E không đồng ý xử lý tài sản thế chấp vì cho rằng đây là tài sản chung của ông bà xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ngô Thị E không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh tài sản thế chấp là tài sản chung của bà và ông Phương Xuân B, không có yêu cầu độc lập. Việc ông bà không thực hiện đăng ký kết hôn, không đăng ký hộ khẩu thường trú là vi phạm quy định của pháp luật về cư trú và hôn nhân gia đình, không tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ngân hàng không buộc phải biết việc ông bà sống chung như vợ chồng, đặc biệt trong trường hợp ông Phương Xuân B cố tình che giấu về việc tài sản thế chấp có liên quan đến người thứ ba. Trường hợp bà Ngô Thị E yêu cầu giải quyết tài sản chung với ông Phương Xuân B có quyền khởi kiện vụ án khác.

[11] Tại mục 1.1.2 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8407-LCL-202000XXX ngày 10/08/2020 có nội dung: *“Các tài sản gắn liền với thửa đất cho dù tài sản đó đang được bên B sở hữu hay sẽ sở hữu trong tương lai và cho dù tài sản đó đang tồn tại hoặc sẽ hình thành trong tương lai (sau đây gọi chung là “tài sản gắn liền với đất” cũng thuộc tài sản thế chấp và bên nhận thế chấp có toàn quyền xử lý tài sản này trong trường hợp xử lý tài sản.”*. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp, toàn bộ tài sản này được đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh giữa ông Phương Xuân B với Ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trong trường hợp ông Phương Xuân B thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 184, tờ bản đồ số 105, bản đồ địa chính xã H là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 299 và khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Việc thanh toán tiền có được từ xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định tại Điều 307 của Bộ luật Dân sự.

[12] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.800.000 đồng, không yêu cầu ông Phương Xuân B phải trả lại. Ông Phương Xuân B nhất trí với ý kiến của Ngân hàng. Xét thấy, sự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự.

[13] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bị đơn ông Phương Xuân B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.701.541 đồng theo quy

định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng N không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[14] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[15] Xét các ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 116, 117, 298, khoản 1 Điều 298, khoản 1 Điều 299, 307, 318, 319, 320, 321, 322, 323 khoản 7 Điều 323, 351, 353, 357, 398, 400, 401, 403, 405, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, cụ thể:

1.1. Nghĩa vụ trả nợ

Ông Phương Xuân B phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện V, tỉnh Lạng Sơn số tiền 792.538.521 (bảy trăm chín mươi hai triệu năm trăm ba mươi tám nghìn năm trăm hai mươi một) đồng. Trong đó nợ gốc là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, tiền lãi vay tính đến hết ngày 18/8/2023 là 192.538.521 (một trăm chín mươi hai triệu năm trăm ba mươi tám nghìn năm trăm hai mươi một) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 8407-LAV-202000XXX ngày 11/8/2020 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 11/8/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Phương Xuân B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8407-LAV-202000XXX ngày 11/8/2020 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 11/8/2020.

1.2. Xử lý tài sản đảm bảo

Trường hợp ông Phương Xuân B không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu tại mục 1.1 thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 184, tờ bản đồ số 105, diện tích 91m²; tọa lạc tại thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; đã được Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03XXXQSDĐ/218/2004/QĐ-UB(H) cho hộ ông Phương Xuân B ngày 15/4/2004 và các tài sản gắn liền trên đất.

Việc thanh toán tiền có được từ xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định tại Điều 307 của Bộ luật Dân sự.

2. Chi phí tố tụng

Ghi nhận Ngân hàng N tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.800.000 (hai triệu tám trăm nghìn) đồng. Xác nhận Ngân hàng N đã nộp đủ.

3. Án phí

Ông Phương Xuân B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.701.541 (ba mươi lăm triệu bảy trăm linh một nghìn năm trăm bốn mươi một) đồng. Ngân hàng N không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 16.288.000 (mười sáu triệu hai trăm tám mươi tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0001973 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (18/8/2023). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn (PKTNV&THA);
- VKSND huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng